

VINACOMIN-NORTHERN COAL
TRADING JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hanoi, 4th September 2026

LETTER OF INQUIRY
THƯ MỜI BÁO GIÁ

To: Prospective suppliers of overseas-produced coal

Kính gửi: Các nhà cung cấp than nhập khẩu

First of all, we, Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company, would like to send our respectful greetings to your company.

Lời đầu thư, Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin xin được gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng.

Currently, our company is in need of learning about the price of overseas-produced coal with typical Net calorific value of 5,100 kcal/kg (ARB) supplied to the Vietnamese market to serve our market research. By this letter, we respectfully request that your company provide us with a quotation for the type of coal that we are interested in. We enclose the following quality specifications of coal types and conditions of coal supply for your convenience in quoting and providing information.

Hiện tại, Công ty chúng tôi đang có nhu cầu tìm hiểu về giá chủng loại than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng tịnh điển hình 5.100 kcal/kg (cơ sở nhận) cung cấp cho thị trường Việt Nam để phục vụ cho công tác nghiên cứu thị trường. Qua thư này, chúng tôi trân trọng đề nghị Quý Công ty cung cấp cho chúng tôi báo giá chủng loại than mà chúng tôi đang quan tâm. Chúng tôi gửi kèm theo sau đây quy cách chất lượng của chủng loại than và các điều kiện cung cấp than để Quý Công ty thuận tiện trong việc báo giá và cung cấp thông tin.

Please send in advance the scanned copy of your quotation (signed and stamped) to our email address: **business@northerncoal.vn**, and afterward send the original to: Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company, No. 5, Phan Đình Giót Street, Phương Liệt Ward, Hanoi, Vietnam.

*Quý Công ty vui lòng gửi trước bản scan báo giá (đã ký và đóng dấu) về địa chỉ email: **business@northerncoal.vn**, bản gốc gửi về địa chỉ: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin, số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Hà Nội, Việt Nam.*

Time for receiving the quotation (scanned copy): Until the end of 8th September 2026.

Thời gian nhận báo giá (bản scan): Đến hết ngày 08/09/2026.

Looking forward to hearing from you soon!

Rất mong sớm nhận được hồi âm của Quý Công ty!

Best regards!

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VP (để đăng website);
- Tổng Giám đốc (e-copy, b/c);
- P.TGD: H.M.Long (e-copy);
- Lưu: VT, KD.

**ON BEHALF OF G. DIRECTOR
DEPUTY GENERAL DIRECTOR
*KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC***

Hoàng Minh Long

INFORMATION FOR QUOTATION
THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

- Type of coal: Overseas-produced coal with typical Net calorific value of 5,100 kcal/kg (ARB);

- *Chủng loại than: Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng tịnh điển hình 5.100 kcal/kg (cơ sở nhận);*

- Quality specification:

- *Quy cách chất lượng:*

No. STT	Specification Chỉ tiêu kỹ thuật	Basis (ISO or ASTM standards) Cơ sở phân tích (theo tiêu chuẩn ISO hoặc ASTM)	Typical value Giá trị điển hình	Rejection Từ chối
1	Total Moisture <i>Độ ẩm toàn phần</i>	As received basis <i>Cơ sở nhận</i>	10% <i>10%</i>	Above 13% <i>Trên 13%</i>
2	Inherent Moisture <i>Nội ẩm</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	1.5-2% <i>1,5-2%</i>	None <i>Không</i>
3	Net Calorific Value <i>Nhiệt năng tịnh</i>	As received basis <i>Cơ sở nhận</i>	5,100 kcal/kg <i>5.100 kcal/kg</i>	Under 4,900 kcal/kg <i>Dưới 4.900 kcal/kg</i>
4	Ash Content <i>Độ tro</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	30-33% <i>30-33%</i>	None <i>Không</i>
5	Total Sulphur <i>Lưu huỳnh</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	0.6-0.8% <i>0,6-0,8%</i>	Above 1.0% <i>Trên 1,0%</i>
6	Volatile Matter <i>Chất bốc</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	11-12% <i>11-12%</i>	Above 14% <i>Trên 14%</i>
7	Fe ₂ O ₃ <i>Fe₂O₃</i>	Dry basis <i>Cơ sở khô</i>	4-6% <i>4-6%</i>	Above 8% <i>Trên 8%</i>
8	H <i>H</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	3% <i>3%</i>	Above 3.5% <i>Trên 3,5%</i>
9	Size 0-50mm <i>Cỡ hạt 0-50 mm</i>		95.0% <i>95,0%</i>	None <i>Không</i>
10	HGI <i>HGI</i>		50-70 <i>50-70</i>	None <i>Không</i>
11	Ash fusion temperature (in reducing environment): T1 (Initial Deformation) and T3 (Hemispherical) <i>Nhiệt độ nóng chảy của tro (trong môi trường khử) T1 (Biến dạng ban đầu) T3 (Bán cầu)</i>		T1 ≥ 1,250°C T3 ≥ 1,400°C <i>T1 ≥ 1.250°C T3 ≥ 1.400°C</i>	T1 < 1,250°C T3 < 1,400°C <i>T1 < 1.250°C T3 < 1.400°C</i>

- Origin: [to be specified].

(Note: The coal may be of multiple origins, provided that it originates from countries/territories that are not embargoed, and shall comply with the sanctions regulations of the United States, the United Nations, as well as other countries and territories. The coal shall not be of Laos origin).

- *Xuất xứ: [ghi rõ].*

(Ghi chú: Than có thể từ nhiều xuất xứ khác nhau nhưng phải có nguồn gốc từ các quốc gia/vùng lãnh thổ không bị cấm vận; tuân thủ các quy định về cấm vận của Mỹ, Liên Hợp Quốc cũng như các quốc gia, lãnh thổ khác. Than không được có xuất xứ từ Lào).

- Quantity: [to be specified as Supplier's supply capacity but not exceeding 72,000 metric tons (+/- 10%)].

- *Khối lượng: [ghi rõ theo khả năng cung cấp của Nhà cung cấp, nhưng không quá 72.000 tấn (+/- 10%)].*

- Delivery time at the discharge port: October 2026.

- *Thời gian giao hàng tại cảng dỡ hàng: Tháng 10/2026.*

- Place: Import to Hongai and/or Cam Pha port, Quang Ninh, Vietnam.

- *Địa điểm: Nhập khẩu về cảng Hòn Gai và/hoặc cảng Cẩm Phả, Quảng Ninh, Việt Nam.*

- Term of delivery: CFR Hongai/Cam Pha Port, Quang Ninh, Vietnam (Incoterms 2020).

- *Điều kiện cơ sở giao hàng: CFR cảng Hòn Gai/Cẩm Phả, Quảng Ninh, Việt Nam theo Incoterms 2020.*

The cost of discharging coal from vessel to means of water transportation at discharge port is on the Supplier's account.

Chi phí dỡ hàng từ tàu biển xuống phương tiện vận tải thủy tại cảng dỡ hàng do Nhà cung cấp chịu.

Average discharging rate: 7,000 MT per Weather Working Day, All Time Day and Night including Saturdays, Sundays, and holidays, excluding the major holidays according to calendar in Vietnam.

Tốc độ dỡ hàng trung bình: 7.000 tấn trên mỗi ngày làm việc trong điều kiện thời tiết bình thường, bao gồm cả ngày lẫn đêm, thứ bảy, chủ nhật hay ngày lễ tết, trừ một số ngày lễ lớn theo lịch Việt Nam.

- The CFR Base Unit Price quoted shall **include import tax**, if any. The contract unit price shall be equal to the quoted unit price minus import tax, if any.

- *Nhà cung cấp chào Đơn giá CFR cơ sở đã bao gồm thuế nhập khẩu, nếu có. Đơn giá hợp đồng sẽ bằng đơn giá chào trừ đi thuế nhập khẩu, nếu có.*

- Adjustment for CFR unit price (excluding import tax, if any) according to actual Net Calorific Value (ARB) according to analysis result at the loading port:

- *Điều chỉnh đơn giá CFR (đã trừ thuế nhập khẩu, nếu có) theo nhiệt năng tịnh (cơ sở nhận) thực tế theo kết quả giám định tại cảng xếp hàng:*

Adjusted CFR Unit Price = FOB Base Unit Price × (Actual Net Calorific Value (ARB)/Typical Net Calorific Value (ARB)) + Freight.

Đơn giá CFR điều chỉnh = Đơn giá FOB cơ sở × (Nhiệt năng tịnh thực tế (cơ sở nhận)/Nhiệt năng tịnh điển hình (cơ sở nhận)) + Cước vận chuyển.

In case Actual Net Calorific Value (ARB) is higher than 5,300 kcal/kg, Actual Net Calorific Value (ARB) shall be calculated as 5,300 kcal/kg.

Trường hợp nhiệt năng tịnh thực tế (cơ sở nhận) lớn hơn 5.300 kcal/kg thì tính bằng 5.300 kcal/kg.